

Phụ lục II

BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BÌNH ĐÔNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	BÔNG SAO	PHẠM THỂ HIỀN	BÙI MINH TRỰC	72.900	43.700	36.500
2	BÔNG SAO	BÙI MINH TRỰC	TẠ QUANG BỬU	85.800	51.500	42.900
3	BÙI MINH TRỰC	BÔNG SAO	QUỐC LỘ 50	69.700	41.800	34.900
4	BÙI MINH TRỰC	QUỐC LỘ 50	CUỐI ĐƯỜNG	65.600	39.400	32.800
5	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI < 12M TRONG KHU DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 5 CŨ	TRỌN ĐƯỜNG		83.000	49.800	41.500
6	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI >= 12M TRONG KHU DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 5 CŨ	TRỌN ĐƯỜNG		92.000	55.200	46.000
7	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI < 12M TRONG KHU DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 6 CŨ	TRỌN ĐƯỜNG		53.000	31.800	26.500
8	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI >= 12M TRONG KHU DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 6 CŨ	TRỌN ĐƯỜNG		73.000	43.800	36.500
9	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI < 12M TRONG KHU DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 7 CŨ	TRỌN ĐƯỜNG		53.000	31.800	26.500
11	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI >= 12M TRONG KHU DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 7 CŨ	TRỌN ĐƯỜNG		73.000	43.800	36.500
12	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC KHU DÂN CƯ HỒNG QUANG	TRỌN ĐƯỜNG		25.000	15.000	12.500
13	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC KHU DÂN CƯ CONIC	TRỌN ĐƯỜNG		38.300	23.000	19.200

14	ĐÌNH AN TÀI	TRỌN ĐƯỜNG		22.700	13.600	11.400
15	ĐƯỜNG D8	TRỌN ĐƯỜNG		31.400	18.800	15.700
16	ĐƯỜNG VÀO KHU DÂN CƯ PHÚ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		25.900	15.500	13.000
17	HOÀNG ĐẠO THÚY	TRỌN ĐƯỜNG		21.700	13.000	10.900
18	HOÀNG MINH ĐẠO	TRỌN ĐƯỜNG		68.900	41.300	34.500
19	LÊ BÔI	PHẠM THẾ HIỂN	TRỊNH QUANG NGHỊ	48.600	29.200	24.300
20	NGUYỄN VĂN LINH	RANH XÃ BÌNH HƯNG	QUỐC LỘ 1	52.700	31.600	26.400
21	PHẠM THẾ HIỂN	CẦU HIỆP AN 1	CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	99.600	59.800	49.800
22	PHẠM THẾ HIỂN	CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	CẦU BÀ TÀNG	74.500	44.700	37.300
23	PHẠM THẾ HIỂN	CẦU BÀ TÀNG	CUỐI ĐƯỜNG	56.700	34.000	28.400
24	QUẢN TRỌNG LINH	TRỌN ĐƯỜNG		52.700	31.600	26.400
25	LÊ KHẢ PHIÊU (QUỐC LỘ 1)	CẦU BÌNH ĐIỀN	NGUYỄN VĂN LINH	38.300	23.000	19.200
26	QUỐC LỘ 50	PHẠM THẾ HIỂN	CHÂN CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	69.300	41.600	34.700
27	QUỐC LỘ 50	CHÂN CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	RANH XÃ BÌNH HƯNG	90.000	54.000	45.000
28	RẠCH CÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		30.000	18.000	15.000
29	RẠCH LỒNG ĐÈN	TRỌN ĐƯỜNG		30.000	18.000	15.000
30	TẠ QUANG BỬU	CẦU TẠ QUANG BỬU	QUỐC LỘ 50	90.700	54.400	45.400
31	TẠ QUANG BỬU	QUỐC LỘ 50	CUỐI ĐƯỜNG	70.500	42.300	35.300
32	TRỊNH QUANG NGHỊ	SÔNG CÀN GIUỘC	RANH XÃ BÌNH HƯNG	37.300	22.400	18.700